

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 1861/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-LN ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30 tháng 10 năm 2024 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp

thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

a) Công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện 02 thủ tục hành chính ban hành mới.

b) Thay thế 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 01, Mục II) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

c) Thay thế 01 thủ tục hành chính và quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

d) Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính (số thứ tự 01, Mục I, Phần A và số thứ tự 11, Phần B) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Kèm theo Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng. - Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-KL ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Thủ tục hành chính cấp huyện					
	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện hoặc Hạt Kiểm lâm	Không	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-KL.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	3.000160	Phân loại doanh nghiệp khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu và xuất khẩu gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. 	Cơ quan Kiểm lâm Sở tại. (Chi cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP. - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	1.000065	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp. - Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	UBND cấp tỉnh
2	3.000175	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Cơ quan Kiểm lâm sở tại

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1.1. Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (Mã số: 1.012921).

- Tổng thời gian giải quyết TTHC: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29,5 ngày

1.2. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (Mã số: 3.000160).

- Tổng thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày

+ Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12,5 ngày

2. Thủ tục hành chính cấp huyện

2.1. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (Mã số: 3.000159)

- Tổng thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Văn thư Hạt Kiểm lâm	0,5 ngày
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm	3,5 ngày

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Văn thư Hạt Kiểm lâm	0,5 ngày
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm	5,5 ngày

2.2. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (Mã số: 1.012922)

- Tổng thời gian giải quyết TTHC: 05 ngày.

+ Trường hợp 1: Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính là Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Văn thư Hạt Kiểm lâm	0,5 ngày
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm	4,5 ngày

+ Trường hợp 2: Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B6	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Phân công người thực hiện	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế	0,5 ngày
B3	Thẩm định và giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế	03 ngày
B4	Xem xét, kiểm tra, ký duyệt giấy xác nhận	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế	0,5 ngày
B5	Vào sổ, đóng dấu phát hành, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Văn thư Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế	0,5 ngày